Tiết 3: **TIẾNG VIỆT**

**Đọc: Trước cổng trời**

**I. Yêu cầu cần đạt.**

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết thể thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi.

- Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,…qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,…Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hòa với thiên nhiên và đầy sức sống. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

***-*** Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***-*** Biết yêu quê hương thông qua cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học chủ yếu**

**1. Khởi động:**

- HS quan sát bức tranh chủ điểm, àm việc chung cả lớp:

- Bức tranh vẽ cảnh vật thiên nhiên có nhiều con vật, các bạn nhỏ đang khám phá thiên nhiên xung quanh.

- Nghe GV nhận xét và chốt: Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang khám phá thế giới xung quanh rộng lớn, tươi đẹp, chứa đựng bao điều mới lạ, bổ ích. Đó cũng là chủ điểm thứ hai của môn học Tiếng Việt: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

**2. Khám phá: Luyện đọc.**

- Hs lắng nghe GV đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát và đánh dấu các khổ thơ.

- 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc khổ thơ.

- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.

- 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

**3. Luyện tập.**

**3.1.Giải nghĩa từ**

- HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- Nghe GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)

**3.2. Tìm hiểu bài:**

- HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

- HS nêu chủ đề của bài thơ: Chủ đề bài thơ là thiên nhiên tươi đẹp và sự gắn kết của con người với thiên nhiên.

- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.

**3.3. Học thuộc lòng:**

- HS học thuộc lòng cá nhân, tự học từng khổ, cả bài.

- Thi đọc thuộc lòng.

**4. Hoạt động trải nghiệm**

HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

...................................................................................................................................

.................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tiết 4: **TIẾNG VIỆT**

**Từ đồng nghĩa**

**I. Yêu cầu cần đạt.**

- Học sinh nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp dưới.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***-*** Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học chủ yếu**

**1. Khởi động:**

HS đọc đoạn thơ và tìm các từ có nghĩa giống nhau

Cò mải mê nhặt ốc

Chui giữa lách với lau

Đôi cánh cò trắng phau

Bị lấm đầy bùn đất.

Nhưng có biết ở sạch

Vội vã bước ra sông

Cò tắm gội sạch bong

Lại tung bay trắng toát.

**2. Luyện tập.**

**Bài 1: Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.**

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bài 2.Tìm trong mỗi nhóm từ dưới dãy những từ có nghĩa giống nhau.**

- HS đọc yêu cầu và làm bài

- HS trả lời thế nào là từ đồng nghĩa.

- Nghe GV nhận xét, rút ghi nhớ

+ Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...).

+ Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.

**Bài 3. Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?** HS đọc yêu cầu và làm bài.

- HS trình bày.

a. Chân yếu tay mềm

b. Thức khuya dậy sớm

c. Đầu voi đuôi chuột

d. Một nắng hai sương

e. Ngăn sông cấm chợ

g. Thay hình đổi dạng

- GV nhận xét, chốt đáp án.

**Bài 4:Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.**

- HS đọc yêu cầu và làm bài vào vở theo nhóm 4.

- HS trình bày.

- GV nhận xét.

**3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:**

HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

+ GV chuẩn bị một số từ ngữ để lẫn lộn trong hộp (trắng xóa, mang, xinh đẹp, quả, hổ).

+ Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)

+ Các nhóm cùng nhau tìm những từ đồng nghĩa với từ bốc được (chỉ người, vật,….) Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

...................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*